* **magento cache:enable**: Kích hoạt tất cả các loại cache đã bị vô hiệu hóa trong Magento.
* **magento cache:disable**: Vô hiệu hóa các cache cụ thể hoặc tất cả các loại cache trong Magento.
* **magento cache:clean**: Dọn dẹp (xóa) các tệp cache cũ mà không làm mất các cấu hình cache (tức là các cache hiện tại sẽ vẫn có thể tái sử dụng).
* **magento cache:flush**: Xóa tất cả các cache, bao gồm cả những dữ liệu ngoài Magento (như cache từ Redis hoặc Memcached nếu có sử dụng).
* **magento cache:status**: Kiểm tra trạng thái của tất cả các cache (đang bật hay tắt).
* **magento indexer:reindex**: Tiến hành tái lập chỉ mục (reindex) tất cả hoặc một chỉ mục cụ thể. Điều này là cần thiết sau khi cập nhật hoặc thay đổi dữ liệu mà Magento sử dụng cho việc hiển thị các sản phẩm, khách hàng, v.v.
* **magento setup:di:compile**: Biên dịch tất cả các proxy và factory không tồn tại, và tiền biên dịch các định nghĩa lớp, thông tin kế thừa, và định nghĩa plugin cho một store và website.
* **magento setup:static-content:deploy**: Triển khai các tệp tĩnh của giao diện người dùng (CSS, JavaScript, hình ảnh, v.v.) lên thư mục pub/static. Điều này giúp trang web Magento hiển thị chính xác trên trình duyệt người dùng.
* **magento sampledata:install**: Cài đặt dữ liệu mẫu (sample data) vào hệ thống Magento. Dữ liệu mẫu giúp người dùng thấy trước giao diện và cấu trúc sản phẩm khi chạy thử một cửa hàng Magento mới.
* **php bin/magento maintenance:enable:** Bật chế độ bảo trì cho cửa hàng magento
* **php bin/magento maintenance:disable:** Tắt chế độ bảo trì cho cửa hang magento
* **chmod:** cấp quyền cho các thư mục
* **rf:** xóa file hoặc thư mục
* **touch:** tạo file
* **nano:** truy cập và edit file
* **mkdir:** tạo folder
* **ls:** liệt kê các files và folders có trong 1 folder chỉ định